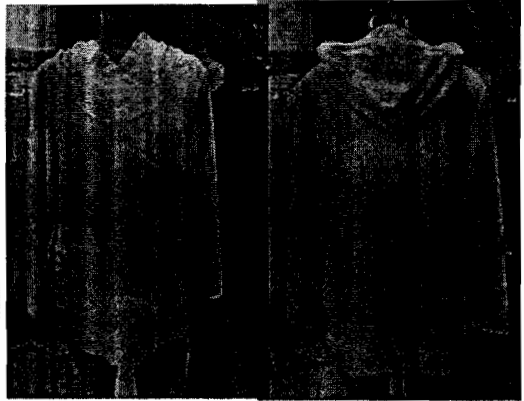


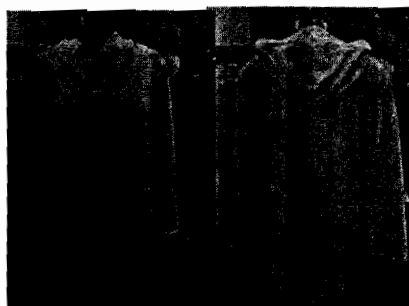
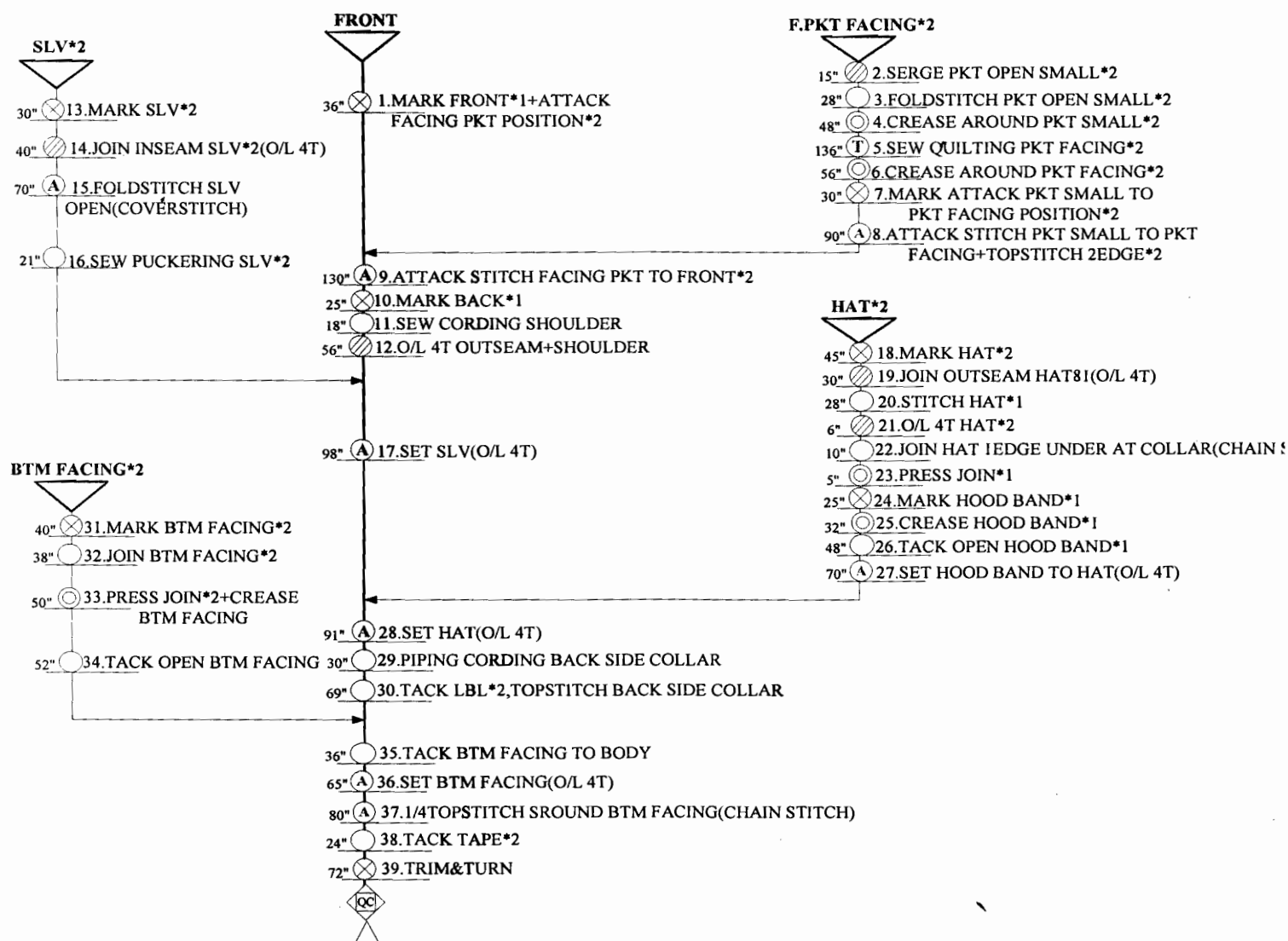
福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式: G16-242	款式說明 LADIE JACKET 订单 7.357	制表人 THAO	日期: 2016/07/20	文件編號:
參考雷同款:				
生產車縫時間 1719	特車組 136	總時間:1855		
生產出數:16.75	特車組出 211.8	IE 總出數: 15.53		

PPIC 主管:

15
7/20

FLOW CHART OF G16-242J

POSITION TIME TABLE

POSITION	GENERAL	SPECIAL
SINGLE	612	
CHAIN STITCH COVER STITCH	90	
	52	
SPECIAL	471	136
PRESS	191	
HAND	303	0
AMOUNT	1719	136
OUTPUT PCS	16.75	443.1
TOTAL TIME	1855	TOTAL OUTPUT 15.53
TIME	1855	OUTPUT 13.33
TIME	1855	OUTPUT 13.33

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE N **G16-2421**

DATE: **20/7/2016**

TAIPEI IE:

VN IE OUTPUT: **16.75**

工段號碼 Mã công	工段名稱 Tên công đoạn	等級 Cấp	合縫記号	使用機器	時間 Thời gian	金額 Đơn giá	日產量 Sản lượng	使用配 件及其他
	Front body							
	Thân trước							
01	Mark front*1+attack facing pkt position*2	SD TT*1+vị trí dán đáp túi*2	C	HAND	36	267.1	800	
02	Attack sttitch facing pkt to front*2	Dán mí đáp túi vào TT*2	A	SINGLE	130	1088.1	222	
03	Mark back*1	SD TS*1	C	HAND	25	185.5	1152	
04	Sew cording shoulder	May dây bún cầu vai	B	SINGLE	18	143.5	1600	
05	O/4T out seam+shoulder	VS 4 chỉ sườn + vai	B	SW	56	446.3	514	
06	Set slv(O/L 4T)	Tra tay(VS 4C)	A	SW	98	820.3	294	
07	Set hat(O/L 4T)	Tra mũ(VS 4C)	A	SW	91	761.7	316	
08	Piping cording back side collar	May dây viền vòng cổ TS	B	SINGLE	30	239.1	960	
09	Tack lbl*2+topstitch back side collar	Ghim móc cổ*2, điều vòng cổ TS	B	SINGLE	69	549.9	417	
10	Tack btm facing to body	Ghim đối sườn gấu áo*2	B	SINGLE	36	286.9	800	
11	Set btm facing(O/L 4T)	Tra đáp gấu áo(VS 4C)	A	SW	65	544.1	443	
12	1/4Topstitch around btm facing(chainstitch)	Điều xung quanh gấu áo 1/4(chỉ tết)	A	CHAIN STITCH	80	669.6	360	
13	Sew lbl at size,tack lbl at out seam	Ghim móc size vào móc ID,ghim móc sườn	B	SINGLE	24	191.3	1200	
XZ	Trim thread	Cắt chỉ	C	HAND	72	534.2	400	
	F.Pkt facing*2	Đáp túi TT*2						
A01	Serge pkt open small*2	VS 3c miệng túi nhỏ*2	B	SW	15	119.6	1920	
A02	Foldstitch pkt open small*2	Gập điều miệng túi nhỏ*2	B	SINGLE	28	223.2	1029	
A03	Crease around pkt small*2	Là gập xung quanh túi nhỏ*2	B	PRESS	48	382.6	600	
A04	Sew quilting pkt facing*2	May trần trang trí đáp túi*2	B	SPECIAL	136	1083.9	212	
A05	Crease around pkt facing*2	Là gập xung quanh đáp túi*2	B	PRESS	56	446.3	514	
A06	Mark attack pkt small to pkt facing position	SD vị trí dán túi nhỏ vào đáp túi*2	C	HAND	30	222.6	960	
A07	Attack stitch pkt small to pkt facing+topstitch 2edge*2	Dán mí túi nhỏ vào đáp túi + điều 2 đầu*2	A	SINGLE	90	753.3	320	
	Slv*2	Tay*2						
B01	Mark slv*2	SD tay*2	C	HAND	30	222.6	960	
B02	Join inseam slv*2(O/L 4T)	Quây tròn bụng tay(VS 4C)	B	SW	40	318.8	720	
B03	Foldstitch slv open(cover stitch)	Gập điều gấu tay	A	COVER STITCH	52	435.2	554	
B04	Sew puckering slv*2	May dúm tay*2	B	SINGLE	21	167.4	1371	
	Hat*2	Mũ*2						
C01	Mark hat*2	Sd mũ*2	C	HAND	45	333.9	640	
C02	Join out seam hat(O/L 4T)	Cán chập sống mũ(VS 4C)	B	SW	30	239.1	960	
C03	Stitch hat*1	Mí sống mũ *1	B	SINGLE	28	223.2	1029	
C04	O/L 4T hat*2	VS 4C cổ mũ*2	B	SW	6	47.8	4800	
C05	Join hat 1edge under at collar(chain stitch)	Cán chập mũ 1 đoạn dưới cổ(chỉ tết)	B	CHAIN STITCH	10	79.7	2880	
C06	Press join*1	Là rẽ cán*1	B	PRESS	5	39.9	5760	
C07	Mark hood band*1	SD vành mũ*1	C	HAND	25	185.5	1152	
C08	Crease hood band*1	Là gập vành mũ*1	B	PRESS	32	255.0	900	
C09	Tack open hood band*1	Ghim miệng vành mũ, ghim góc chéo	B	SINGLE	48	382.6	600	
C10	Set hood band to hat(O/L 4T)	Tra vành mũ vào mũ(VS 4C)	A	SW	70	585.9	411	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

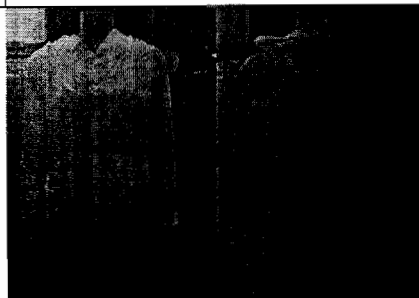
STYLE N **G16-2421**

DATE: **20/7/2016**

TAIPEI IE:

VN IE OUTPUT: **16.75**

Mã công	工段名稱 Tên công đoạn		等級 Cấp	合縫記号	使用機器	時間 Thời gian	金額 Đơn giá	日產量 Sản lượng	使用配件及其他
	Btm facing*2	Đáp gấu áo*2							
D01	Mark btm facing*2	SD đáp gấu áo*2	C		HAND	40	296.8	720	
D02	Join btm facing*2	Can đáp gấu áo*2	B		SINGLE	38	302.9	758	
D03	Press join*2+crease btm facing	Là rẽ can*2+gấp đáp gấu áo	B		PRESS	50	398.5	576	
D04	Tack open btm facing	Ghim kín miệng đáp gấu áo	B		SINGLE	52	414.4	554	
Total						1855	14,888	15.53	



作業別 Công đoạn	車縫(秒) Chuyển may	穿車(秒) Chuyển môn		
Single	612			
Cover stitch	52			
Chain stitch	90			
Special	471	136		
Press	191			
Hand	303	0		
Amount	1719	136		
Output	16.75	211.8		
Total	1855		Out put scl	15.53

製表人: THAO